TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:425/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 1, ngày 26 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 409/2019/HNST ngày 21/8/2019, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu:

Ông Đoàn Minh T, sinh năm 1989
Địa chỉ: Số X đường Điện Biên Phủ, Phường 17, quận B Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Lê Ngọc Uyên B, sinh năm 1987
Địa chỉ: Số X đường Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành do Trung tâm hòa giải- đối thoại tại Tòa án nhân dân Quận 1 lập ngày 16 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Minh T, sinh năm 1989 và bà Lê Ngọc Uyên B, sinh năm 1987 thuận tình ly hôn.

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 120/2016 do Ủy ban nhân dân phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2016).

- Về con chung: Ông Đoàn Minh T và bà Lê Ngọc Uyên B có 01 con chung là Đoàn Lê Khánh N (nam), sinh ngày 07/12/2017. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà Lê Ngọc Uyên B là người trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 15.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi con con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thi hành số tiền như trên thì hàng tháng ông T còn phải trả cho bà B tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Đoàn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, theo đơn yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Đoàn Minh T và bà Lê Ngọc Uyên B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Đoàn Minh T và bà Lê Ngọc Uyên B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Đoàn Minh T và bà Lê Ngọc Uyên B cùng chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0008010 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đoàn Minh T và bà Lê Ngọc Uyên B đã nộp đủ lệ phí.

3. Ủy ban nhân dân phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn giữa ông Đoàn Minh T và bà Lê Ngọc Uyên B có trách nhiệm ghi nội dung quyết định này vào sổ hộ tịch.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1;
- UBND phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hiền